

Số: 166/2018/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 12 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa:

- Người yêu cầu: Ông **Lê Hoàng P**, sinh năm: 1993; Trú tại: Tổ 23D (cũ), 88 (mới) phường T, quận S, TP. Đà Nẵng.

- Người yêu cầu: Bà **Phan Thị Thu S**, sinh năm: 1995; Trú tại: Tổ 25 An Đôn, phường An Hải Bắc, quận S, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Hoàng P và bà Phan Thị Thu S. (Giấy chứng nhận kết hôn số 198/2014, quyển số: 01/2014 do UBND phường T,

quận S, thành phố Đà Nẵng ký ngày 25/9/2014 đã cấp cho ông Lê Hoàng P và bà Phan Thị Thu S không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng P và bà Phan Thị Thu S thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Lê Hoàng P và bà Phan Thị Thu S xác định có 01 con chung là: Lê Hoàng P1, sinh ngày: 28/11/2014. Ly hôn, ông Lê Hoàng P và bà Phan Thị Thu S thỏa thuận thống nhất giao cháu Lê Hoàng P1 cho bà Phan Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Hoàng P1 đủ 18 tuổi. Ông Lê Hoàng P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Lê Hoàng P1 đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2018. Vào ngày 05 hàng tháng;

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Lê Hoàng P và bà Phan Thị Thu S thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **008922 ngày 13/8/2018** của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

PHÙNG ANH DŨNG